

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.
2. Ông Trần Thanh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hòa, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
Ông Nguyễn Văn Lộc – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thùy N, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp LH, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Cư trú: Số 477A/24 QCT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp LH, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn N trình bày: bà và ông V kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống hạnh phúc đến 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp trong cuộc sống hay cự cãi, đến đầu

năm 2020 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Bà N nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với chồng là ông V.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Võ Đào Trung K, sinh ngày 02/11/2014 hiện con chung do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Văn V trình bày ông và bà N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn chung sống đến cuối năm 2019 thì không còn chung sống với nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nay bà N xin ly hôn ông đồng ý. Về con chung vợ chồng có 01 (một) con chung tên Võ Đào Trung K, sinh ngày 02/11/2014 hiện con chung do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: bà N ông V kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẻ được với nhau và ly thân từ đầu năm 2020. Tại phiên tòa bà N xin ly hôn, ông V đồng ý. Về con chung bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, ông V đồng ý. Về tài sản chung không có. Đề nghị hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà N và ông V, bà N được tiếp tục nuôi con chung, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông V có nơi cư trú tại xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ngày 20/7/2020 Tòa án tiến hành hòa giải các bên tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung, tài sản. Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hòa giải thành, ngày

27/7/2020 bà N có đơn yêu cầu thay đổi không đồng ý giao con cho ông V nuôi dưỡng nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N ông V là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của bà N ông V thấy rằng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường hay cãi nhau, đến đầu năm 2020 thì không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn bà N xin ly hôn ông V đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông V.

[2.2]. Về quan hệ con chung: có 01 (một) con chung tên Võ Đào Trung K, sinh ngày 02/11/2014 hiện con chung do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu cả hai điều yêu cầu được nuôi con chung. Không yêu cầu dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại địa phương cháu K do bà N nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do cháu K hiện do bà N nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, cháu vẫn phát triển bình thường. Tại phiên tòa ông V đồng ý để bà N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao các cháu K cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông V không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đến.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3]. Về tài sản: Không có.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 273, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Thùy N và ông Võ Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung:

Bà Đào Thị Thùy N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Đào Trung K, sinh ngày 02/11/2014. Ông Võ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận việc bà N, ông V xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà N, ông V phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đào Thị Thùy N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008519 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình